

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 753/2025/DS-PT
Ngày: 10 -12-2025
V/v: “Tranh chấp giao dịch dân
sự hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

- + Phạm Thị Hồng Vân;
- + Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST, ngày 11-06-2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án Khu vực 1-Tây Ninh) có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 744/2025/QĐXX-PT, ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Phạm Thu V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số A, khu phố N, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A khu phố N, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm 1971. Địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M:

- Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số H C, Phường T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Nguyễn Kiều M1, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số B N, Phường T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Phạm Thu V là bị đơn và ông Nguyễn Hoàng T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn-bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Do có quen biết với bà T2 nên bà T2 đã giới thiệu bà mua hụi (châu hụi) của bà Nguyễn Phạm Thu V. Việc châu hụi cụ thể như sau:

Ngày 20/6/2022, bà Nguyễn Phạm Thu V bán cho bà 02 phần hụi trong dây hụi có giá 2.000.000 đồng/phần, gồm 30 hụi viên với hình thức châu hụi. Dây hụi khai vào ngày 20/5/2022, châu lần thứ hai với giá hụi là 700.000 đồng.

Theo cách tính hụi:

- Có 01 phần chết: $1 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$

- Có 29 phần sống: $29 \times 1.300.000 \text{ đồng} = 37.700.000 \text{ đồng}$

Tổng giá trị của 02 phần hụi bà mua là: $(2.000.000 \text{ đồng} + 37.700.000 \text{ đồng}) \times 2 = \mathbf{79.400.000 \text{ đồng}}$. Bà đã giao đầy đủ số tiền 79.400.000 đồng cho bà V để mua hai phần hụi nêu trên. Mỗi tháng bà V sẽ đưa cho bà số tiền bằng với số tiền mà hụi viên bỏ phiếu, có khi đưa tiền mặt, khi thì đưa qua chuyển khoản chung với phần hụi 1.000.000 đồng của bà.

Về việc hốt hụi:

- Phần hụi thứ nhất, bà hốt vào lần châu thứ 15, được số tiền là 43.800.000 đồng. Bà V đã chuyển khoản cho bà số tiền này qua tài khoản mang tên Nguyễn Thị Kim H số 6600205483938 tại Ngân hàng A – Chi nhánh T4, vào ngày 30/8/2023. Nội dung chuyển khoản ghi rõ: “*chị V giao hụi châu cho vợ T3*”. (T3 là chồng của bà không liên quan đến phần hụi này)

- Phần hui thứ hai, bà V nói với bà rằng chốt hui để đi nước ngoài, theo tính toán có 26 phần chết và 3 phần sống, với số tiền mỗi phần sống là 1.300.000 đồng. Tổng cộng: $3 \times 1.300.000 \text{ đồng} = 3.900.000 \text{ đồng}$; $26 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 52.000.000 \text{ đồng}$. Sau khi trừ tiền hoa hồng 3.000.000 đồng, số tiền bà còn được nhận là 52.900.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà V chưa thanh toán số tiền này cho bà.

Bà đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà V thanh toán số tiền 52.900.000 đồng nhưng bà V không hợp tác. Ban đầu bà V cho rằng tay em đã giựt hui của bà V nên không có trách nhiệm trả tiền. Khi hòa giải tại UBND thị trấn T, bà V lại cho rằng bà không mua hui và yêu cầu bà cung cấp bằng chứng. Sau khi bà xuất trình giấy tay ghi nhận việc châu hui ngày 20/6/2022, chính do bà V viết và ký tên, thì bà V lại nói đã trả đủ tiền cho bà.

Bà khẳng định bà V vẫn còn nợ bà 52.900.000 đồng phần hui thứ hai và cố tình quanh co, phủ nhận trách nhiệm nhằm né tránh nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, bà V cho rằng bà đã mua hui của bà Trần Thị Thanh M (có tên trong phiếu hui là “chị G”). Tuy nhiên, bà hoàn toàn không quen biết hay giao dịch gì với bà M và bà không mua hui từ bà M. Nếu bà V và bà M cho rằng bà có giao dịch với bà M thì họ phải cung cấp giấy tờ, chứng cứ cụ thể. Bà khẳng định chỉ mua hui của bà V, không liên quan đến bà M.

Việc bà mua hui, ông T1 là chồng bà V có biết. Khi bà đòi tiền hui, ông T1 cũng biết và có hứa trả nhưng cho đến nay không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, buộc bà Nguyễn Phạm Thu V và ông Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới thanh toán cho bà số tiền 52.900.000 đồng – là phần hui mà bà đã châu của dây hui khai ngày 20/5/2022 của bà V. Bà không yêu cầu lãi suất trên số tiền này.

** Bị đơn bà Nguyễn Phạm Thu V do ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà V không đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H. Cụ thể như sau:

Trước đây, bà V là chủ của dây hui có mệnh giá 2.000.000 đồng/phần, gồm 30 phần, khai ngày 20/5/2022 và mãn vào ngày 20/10/2024. Hui được khai định kỳ vào lúc 9 giờ sáng ngày 20 hàng tháng.

Trong dây hui này, bà Trần Thị Thanh M (thường gọi là G) tham gia 05 phần. Do có nhu cầu tài chính, bà M đã thỏa thuận bán 02/05 phần hui cho bà Nguyễn Thị Kim H. Việc mua bán này hoàn toàn do bà M và bà H trực tiếp thỏa thuận và giao dịch với nhau, bà V không tham gia, không có quyền định đoạt và cũng không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà H. Do đó, bà V không có trách nhiệm liên quan đến giao dịch giữa bà M và bà H.

Bà V không là hội viên mà bà H lại cho rằng bà V bán hội cho bà H, điều này hoàn toàn mâu thuẫn và không có căn cứ. Bà H cũng không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ bà V có nhận 79.400.000 đồng. Do đó, bà V không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào đối với bà H.

Về việc chuyển khoản số tiền 43.800.000 đồng cho bà H vào ngày 30/8/2024: Đây là số tiền từ phần hội mà bà M đã hót ở lần châu thứ 15 sau khi đóng 15 lần. Do phần hội đó đã được bà M bán cho bà H nên bà M yêu cầu bà V chuyển khoản số tiền này cho bà H. Bà V chỉ thay mặt bà M thực hiện việc chuyển tiền, không đại diện cho mình và cũng không phát sinh bất kỳ giao dịch dân sự nào giữa bà V và bà H. Về sổ sách theo dõi hội bà V không có, chỉ có phiếu hội. Giữa bà V và bà H có thực hiện một số giao dịch chuyển khoản nhưng đó là tiền châu hội của ông T3 (chồng bà H), không liên quan đến đây hội ngày 20/5/2022.)

Sau khi hót phần hội nêu trên, bà M không tiếp tục đóng tiền hội cho các phần còn lại (phần chết và phần sống). Bà Mai S đó thông báo rằng mình đang gặp khó khăn tài chính và không thể tiếp tục tham gia đây hội. Hành vi này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà V và các hội viên khác. Bà V sẽ thực hiện quyền khởi kiện bà M về tranh chấp hội trong một vụ án khác.

Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán số tiền hội còn lại là không có cơ sở, bởi:

- Bà H không phải là hội viên trong đây hội do bà V làm chủ, mà chỉ là người mua lại phần hội của bà M – là hội viên trong đây hội.

- Giữa bà V và bà H không tồn tại quan hệ dân sự về hội, không có giao dịch, cam kết hay nghĩa vụ nào được xác lập.

- Việc bà V chuyển tiền cho bà H là theo yêu cầu của bà M – người có quyền và nghĩa vụ trong đây hội – chứ không phải nghĩa vụ độc lập của bà V đối với bà H.

- Việc bà H cho rằng bà V phải thanh toán số tiền 52.900.000 đồng cho bà là không có căn cứ pháp lý. Nếu bà H có quyền đòi hỏi khoản tiền này, thì người bà cần yêu cầu là bà M – người đã bán hội cho bà H.

Ngoài ra, bà H yêu cầu chồng bà V là ông Nguyễn Hoàng T1 - phải liên đới thanh toán khoản tiền nói trên nhưng không cung cấp được bất kỳ bằng chứng nào cho thấy ông T1 có liên quan, biết hoặc tham gia vào giao dịch hội. Do đó, yêu cầu này là hoàn toàn vô lý và không có cơ sở pháp lý.

Từ tất cả các căn cứ nêu trên, bà V đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh M do người đại diện là ông Nguyễn Tuấn D trình bày có nội dung như sau:*

Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày rằng bà có châu hụi và trực tiếp thanh toán tiền hụi cho bà Nguyễn Phạm Thu V. Tuy nhiên, nội dung này là không đúng sự thật và không có cơ sở pháp lý, cụ thể như sau:

Vào ngày 20/5/2022, bà Trần Thị Thanh M tham gia dây hụi có mệnh giá 2.000.000 đồng/phần, do bà Nguyễn Phạm Thu V làm chủ. Dây hụi này gồm tổng cộng 30 phần, trong đó bà M tham gia 05 phần. Đến tháng 6/2022, do cần tiền gấp, bà M đã thỏa thuận bán lại 02 phần hụi của mình cho bà Nguyễn Thị Kim H với giá 79.400.000 đồng. Việc mua bán này do bà M và bà H trực tiếp thỏa thuận và giao dịch, bà V hoàn toàn không tham gia và không liên quan đến việc mua bán nói trên.

Từ khi dây hụi bắt đầu hoạt động, bà M là người trực tiếp đóng hụi cho bà V. Đến kỳ đóng hụi lần thứ 15, bà M có hốt một phần hụi với số tiền là 43.800.000 đồng. Do không có tài khoản ngân hàng và vì phần hụi này đã được bán cho bà H nên bà M nhờ bà V chuyển số tiền trên vào tài khoản của bà H.

Việc bà V chuyển tiền cho bà H chỉ là hành động thay mặt theo yêu cầu của bà M, không thể hiện bất kỳ quan hệ giao dịch dân sự nào giữa bà V và bà H. Thực tế, giữa bà V và bà H không tồn tại bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến hụi.

Do đó, yêu cầu của bà H khởi kiện bà V để đòi số tiền hụi 52.900.000 đồng là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý.

Sau khi hốt hụi, bà M gặp khó khăn làm ăn thua lỗ nên không thể tiếp tục đóng các phần hụi còn lại (bao gồm phần hụi đã hốt và phần hụi sống). Hiện nay, bà M vẫn còn nợ hụi đối với bà V và đang cố gắng khắc phục, hoàn tất nghĩa vụ để có thể tiếp tục được hốt các phần hụi khác, đồng thời trả khoản tiền còn lại cho bà H.

Về phía bà H, bà M xác nhận có nợ bà H số tiền hụi là 52.900.000 đồng và đang nỗ lực thu xếp để hoàn trả trong thời gian sớm nhất. Bà M cũng mong bà H tạo điều kiện để bà có thời gian trả nợ đầy đủ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T1 vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không làm bảng tự khai, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST, ngày 11-06-2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án Khu vực 1-Tây Ninh) quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phưởng; Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với bà Nguyễn Phạm Thu V, ông Nguyễn Hoàng T1 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự (mua bán hui)”.

Buộc bà Nguyễn Phạm Thu V, ông Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 52.900.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 18-6-2025, bị đơn là bà Nguyễn Phạm Thu V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà bà Nguyễn Phạm Thu V và ông Nguyễn Hoàng T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H không chấp nhận kháng cáo của bà V, ông T1 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử **không chấp nhận** yêu cầu kháng cáo của bà V, ông T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/6/2025 Tòa án nhân dân **Khu vực 1-Tây Ninh** xét xử sơ thẩm vụ kiện, ngày 18-6-2025 bà Nguyễn Phạm Thu V và ông Nguyễn Hoàng T1 làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; bà V, ông T1 kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Giấy do bà Nguyễn Phạm Thu V viết tay ngày 20-6-2022 có nội dung: Ngày 20-6-2022, hui 2.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kim H châu 02 phần, tổng cộng 30 phần, vô ngày 20-5-2022 châu lần thứ 02, giá châu là 700.000 đồng. Có 01 phần chết: $1 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$; Có 29 phần sống: $29 \times 1.300.000 \text{ đồng} = 37.700.000$

đồng. Tổng giá trị của 02 phần hội là: $(2.000.000 \text{ đồng} + 37.700.000 \text{ đồng}) \times 2 = 79.400.000 \text{ đồng}$. Chủ hội ký tên Nguyễn Phạm Thu V.

Về việc hốt hội:

- Phần hội thứ nhất, bà H hốt vào lần châu thứ 15, được số tiền là 43.800.000 đồng. Bà V đã chuyển khoản cho bà H số tiền này qua tài khoản mang tên Nguyễn Thị Kim H số 6600205483938 tại Ngân hàng A – Chi nhánh T4, vào ngày 30-8-2023.

- Phần hội thứ hai, bà V theo tính toán có 26 phần chết và 3 phần sống, với số tiền mỗi phần sống là 1.300.000 đồng. Tổng cộng: $3 \times 1.300.000 \text{ đồng} = 3.900.000 \text{ đồng}$; $26 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 52.000.000 \text{ đồng}$. Sau khi trừ tiền hoa hồng 3.000.000 đồng, số tiền bà H còn được nhận là 52.900.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà V chưa thanh toán nên bà H yêu cầu bà V, ông T1 trả.

Bà Nguyễn Phạm Thu V và bà Trần Thị Thanh M cho rằng người bán hội cho bà H là bà M. Bà V là chủ hội chỉ viết giấy châu hội ngày 20-6-2022 theo yêu cầu của bà M, bà H và bà V không nhận số tiền 79.400.000 đồng của bà H. Số tiền hội 43.800.000 đồng bà V chuyển khoản cho bà H là giao tiền hội giùm cho bà M.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H; buộc bà V và ông T1 phải liên đới trả cho bà H số tiền là 52.900.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà V, ông T1 thấy rằng:

Giấy do bà V viết tay ghi ngày 20-6-2022 có nội dung bán hội (châu hội) cho bà H không có nội dung bà M chơi hội hay bán hội cho bà H. Khi bà H hốt phần hội thứ nhất được số tiền 43.800.000 đồng, bà V giao tiền hội thông qua hình thức chuyển khoản có ghi nội dung là “Chị V giao hội châu cho vợ T3 (vợ T3 là bà H)” và tại biên bản hòa giải ngày 19-7-2024 tại UBND thị trấn T (nay là UNND xã T) bà V yêu cầu bà H cung cấp bằng chứng có châu hội thì bà chấp nhận thanh toán phần hội còn lại, nhưng sau đó bà V cho rằng đã thanh toán 02 phần hội do bà Hồng C với bà. Hiện tại, bà và bà H không còn nợ gì nhau.

Việc bà V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình cũng như việc giao trả đủ số tiền hội 52.900.000 đồng còn nợ cho bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp yêu cầu khởi kiện của bà H buộc vợ chồng bà V, ông T1 trả cho bà H số tiền 52.900.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bà V, ông T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà V, ông T1 phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thu V1, ông Nguyễn Hoàng T1;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST, ngày 11-6-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1-Tây Ninh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với bà Nguyễn Phạm Thu V, ông Nguyễn Hoàng T1 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự (mua bán hụi)”.

Buộc bà Nguyễn Phạm Thu V, ông Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 52.900.000 đồng (năm mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Phạm Thu V, ông Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới chịu 2.645.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho bà Nguyễn Thị Kim H 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009215, ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Tây Ninh).

2.2. Án phí Phúc thẩm:

Bà Nguyễn Phạm Thu V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 18-6-2025 theo Biên lai thu số 0009800 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Hoàng T1 phải chịu, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 18-6-2025 theo Biên lai thu số 0009802 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND Khu vực 1-TN;
- THADS tỉnh TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hữu Chiến